

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ**



BÁO CÁO

**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH, PHƯƠNG ÁN PHÂN CHIA LỢI
NHUẬN, CHI TRẢ CỔ TỨC VÀ PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO
(TẠİ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023)**

Thành phố Huế, ngày 05 tháng 05 năm 2023

Số: 11 /BC-HĐQT

Thành phố Huế, ngày 05 tháng 05 năm 2023

BÁO CÁO
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH, PHƯƠNG ÁN PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, CHI
TRẢ CỔ TỨC VÀ PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Căn cứ theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 20/06/2020, có hiệu lực từ 01/01/2021;

Căn cứ Công văn số 3898/UBND-TH, ngày 24 tháng 04 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thống nhất các nội dung đề Người đại diện phần vốn nhà nước có ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 theo đề xuất của Sở Tài chính tại Công văn số 1135 /STC-CSDN ngày 11 tháng 04 năm 2023 về thống nhất các nội dung đề người Đại diện phần vốn nhà nước có ý kiến tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 tại Công ty theo đúng luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;

Căn cứ Điều lệ bổ sung lần thứ hai thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 28/04/2021;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán tài chính của Công ty năm 2022 và phát hành báo cáo đã kiểm toán ngày 30/03/2023.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về báo cáo các chỉ tiêu tài chính, phương án phân chia lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch năm 2023 như sau:

I. Báo cáo một số chỉ tiêu tài chính năm 2022:

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ % (TH/KH)
1	Doanh thu	318.173.571.000	347.145.492.897	109,11
2	Lợi nhuận trước thuế	12.500.000.000	14.700.289.889	117,60
3	Lợi nhuận sau thuế	10.591.250.000	11.503.873.718	108,62
4	Nộp ngân sách	26.500.000.000	33.093.022.719	124,88
5	TSCĐ (các CT phúc lợi CC) Nhà nước giao QL. Số dư cuối năm	481.677.465.848	468.160.659.141	97,19

6	TSCĐ (tính khấu hao, hạch toán vào chi phí SXKD). Giá trị còn lại, số cuối năm	27.326.628.112	31.946.037.054	116,90
7	Khấu hao TSCĐ, số cuối năm	5.898.760.832	6.399.313.240	108,48
8	Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,74	1,86	106,8
9	Vốn Điều lệ	60.000.000	60.000.000	100
10	Thu nhập bình quân người lao động (ngàn đồng/người/tháng)	9.160.643	15.966.524	174,29
11	Tỷ lệ cổ tức được chia (%/VĐL)	8,83%/VĐL	9,6%/VĐL	108,72

Nhận xét, đánh giá về tình hình tài chính năm 2022:

Trong năm 2022, Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh cũng có nhiều thuận lợi trong tìm kiếm thị phần tăng doanh thu. Nhưng bên cạnh đó cũng có nhiều khó khăn, do giá các loại nguyên vật liệu đầu vào đều tăng, tiền lương tối thiểu vùng cũng tăng, trong lúc định mức đơn giá Tỉnh ban hành từ năm 2017 đến nay vẫn chưa được điều chỉnh bổ sung; công tác thanh tra kiểm toán cũng ảnh hưởng lớn đến công tác điều hành hoạt động kinh doanh, do trong một năm công ty phải làm việc với 5 đoàn thanh tra và kiểm toán (Kiểm toán Nhà nước khu vực II, kiểm toán chuyên đề về định mức đơn giá, đặt hàng đấu thầu hoạt động công ích trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó Công ty là đơn vị trực tiếp kiểm tra; Kiểm toán các công trình XDCCB; Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư thanh tra công trình XDCCB; Thanh tra Tỉnh, thanh tra về quản lý vốn, tài sản và toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020, 2021; Thanh tra Bộ Tài Nguyên và Môi trường, thanh tra chuyên đề liên quan lĩnh vực môi trường).

Lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo quyết liệt trên từng lĩnh vực công việc và đề ra nhiều giải pháp, biện pháp chỉ đạo tiết kiệm chi phí, kịp thời điều chỉnh bổ sung Quy chế quản lý tài chính; Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý vốn và tài sản, thực hiện khoán các khoản chi phí sử dụng công cụ, dụng cụ, chi phí điện thoại, chi phí văn phòng phẩm và một số các khoản chi phí liên quan khác để đảm bảo lợi nhuận thực hiện sau thuế tăng hơn so với năm trước, dự kiến cổ tức được chia năm 2022 là 9,6%/Vốn điều lệ, tăng so với kế hoạch là 8,72%, so với cùng kỳ năm trước là 9,21%. Doanh thu thực hiện tăng 9,11% so với kế hoạch, so với cùng kỳ năm trước tăng 7%. Doanh thu tăng là do Thành phố giao công ty thực hiện thi công một số các hạng mục công trình (công việc không duy trì thường xuyên).

Công tác quản lý tài chính Công ty đã thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên; Điều lệ Công ty; Quy chế quản lý tài chính...và

các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo chất lượng và hiệu quả đáp ứng được nhu cầu vốn sản xuất, đảm bảo hệ số bảo toàn vốn luôn >1. Tiền lương và các chế độ khác, thực hiện chi trả đầy đủ kịp thời cho CBCNV và người lao động theo đúng chế độ chính sách hàng năm.

II. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ % KH/TH
1	Doanh thu	347.145.492.897	275.180.000.000	79,27
2	Lợi nhuận trước thuế	14.700.289.889	13.750.000.000	93,54
3	Lợi nhuận sau thuế	11.503.873.718	11.536.250.000	100,28
4	Nộp ngân sách	33.093.022.719	24.500.000.000	74,03
5	Vốn Điều lệ: Trong đó	60.000.000	60.000.000	
	- Vốn Nhà nước 51%	30.600.000	30.600.000	
	- Vốn cổ phần	29.400.000	29.400.000	
6	- Công ty tiếp tục xin chủ trương thoái hết 51% vốn nhà nước theo QĐ số 22/QĐ-TTg ngày 02/07/2021			Thực hiện có Văn bản của UBND tỉnh có ý kiến đề xuất với Chính phủ
7	Thu nhập bình quân người lao động (ngàn đồng/người/tháng)	15.966.524	13.746.311	86,10
8	Chia cổ tức (tỷ lệ %/VĐL)	9,6%	9,61%	100,10

Công ty dự kiến doanh thu kế hoạch năm 2023 giảm so với doanh thu thực hiện năm 2022 là: 20,73%; thu nộp ngân sách giảm: 26%, với các lý do như sau:

- Giảm doanh thu kinh doanh xây lắp: 20,73%, do Do cơ chế chính sách, UBND Tỉnh đã có Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc thành lập Trung tâm Quản lý và khai thác hạ tầng kỹ thuật thành phố Huế; trong đó có yêu cầu Công ty bàn giao Hệ thống công, kênh mương thoát nước, vỉa hè, hệ thống cột bảng tên chỉ đường, như vậy các hạng mục dự án về hạ tầng kỹ thuật, thành phố sẽ không giao chỉ định thầu cho Công ty thực hiện thi công, phải thực hiện đấu thầu theo các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước.

-Thu nộp ngân sách giảm là do giảm kinh doanh xây lắp 20,73% nên các khoản thuế giá trị gia tăng đầu ra cũng giảm tương ứng.

- Doanh thu và thu nộp ngân sách đều giảm, nhưng công ty cũng tìm mọi giải pháp, biện pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt là chi phí quản lý tại Công ty và các Xí nghiệp trực thuộc, thực hiện tốt quản lý tài chính, không để các khoản truy thu về thuế và xử phạt các lĩnh vực liên quan về môi trường..., duy trì lợi nhuận trước thuế và sau thuế vẫn đảm bảo cao hơn so với thực hiện năm 2022

Quỹ khen thưởng sau khi trừ khoản thưởng theo quy định của Pháp luật về thi đua khen thưởng năm 2022, số tiền còn lại phân chia quỹ khen thưởng cho người quản lý Công ty và CBCNV và người lao động theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Điều 18 thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước

III. Thực hiện chi trả tiền lương và tiền thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký Công ty năm 2022:

1. Tình hình thực hiện chi trả tiền lương năm 2022.

Tổng quỹ lương thực hiện năm 2022: **110.210.246.566 đồng**; Trong đó tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng ban Kiểm soát là: 3.106.800.000đ; Tiền lương bộ phận quản lý văn phòng: 14.070.118.550đ; Tiền lương bộ phận quản lý sản xuất và tiền lương của người lao động là: 93.033.328.016đ; Trong đó có tiền lương tiền công của các đơn vị trực thuộc thực hiện điều hành thi công các công trình XD CB là: 10.969.525.947 .

2. Đơn giá tiền lương thực hiện chi trả theo quy chế quản lý tài chính Công ty, như sau:

- Đơn giá tiền lương chi trả Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng ban Kiểm soát: 1,63/100 đồng doanh thu giá trước thuế;

- Đơn giá tiền lương kinh doanh khác, chi trả cho cán bộ quản lý văn phòng và cán bộ quản lý tại các Xí nghiệp, bộ phận có liên quan: 10,56/100 đồng doanh thu kinh doanh khác;

- Đơn giá tiền lương của bộ phận quản lý Văn phòng Công ty, tính từ 12 -16% trên lương trực tiếp sản xuất;

- Đơn giá tiền lương chi trả cho CBCNV và người lao động trong các Xí nghiệp, Bộ phận trực thuộc Công ty, dựa trên hiệu quả hoạt động kinh doanh để xác định, năm 2023 đơn giá tiền lương thực hiện là: 332.429 đồng/1000 đồng doanh thu

IV. Kế hoạch tiền lương năm 2023:

- Tiền lương thu nhập của cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý tại Công ty và các Xí nghiệp, bộ phận trực thuộc và người lao động trong Công ty, căn cứ biên bản liên ngành về việc giám sát các nội dung lao động, tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022

và kế hoạch năm 2023 đã được UBND tỉnh thống nhất tại Công văn số 2926/UBND-TH ngày 01/04/2023; đồng thời trong quá trình thực hiện HĐQT Công ty sẽ xem xét điều chỉnh (tăng hoặc giảm), tùy thuộc vào tăng doanh thu, giảm chi phí và tăng lợi nhuận thực hiện, quỹ tiền lương sẽ điều chỉnh tăng theo quy định tại thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016.

- Đơn giá tiền lương năm 2023 (Thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính Công ty): Ủy quyền cho HĐQT quyết định xác định đơn giá tiền lương năm 2023, căn cứ doanh thu thực hiện giá trước thuế năm 2023 để xác định đơn giá tiền lương và xác định tổng quỹ tiền lương thực hiện năm 2023. Tổng quỹ lương theo số liệu đã được UBND tỉnh thống nhất số kế hoạch là: 94.475.390.000; giảm so với tiền lương thực hiện năm 2022 là 14,28%, (do doanh thu năm 2023 giảm 20,73%, quỹ tiền lương cũng giảm tương ứng).

- Về việc phân chia lợi nhuận sau thuế theo quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ hoạt động của Công ty và Quy chế quản lý tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

V. Chi trả thù lao cho HĐQT; BKS và thư ký công ty năm 2022:

Tổng số tiền thực chi là: 384.000.000đ (ba trăm, tám mươi tư triệu đồng chẵn)

STT	Chức danh	Số tiền (đ/ng/tháng)	So với kế hoạch năm 2022
1	Chủ tịch HĐQT	6.000.000	Chi trả đúng theo
2	Thành viên HĐQT	4.000.000	Nghị quyết Đại hội
3	Trưởng Ban KS	4.000.000	Đồng CD thường niên ngày 19/05/2022
4	UV Ban Kiểm soát và thư ký	2.000.000	

VI. Phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022 và dự kiến phương án phân chia lợi nhuận và chia cổ tức năm 2023:

1. Phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	14.700.289.889
2	Chi phí thuế thu nhập DN	3.196.416.171
3	Lợi nhuận sau thuế	11.503.873.718
4	Quỹ Đầu tư phát triển bổ sung vốn Điều lệ (20% LNST)	2.300.774.744

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
5	Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi (30% LNST) Trong đó: - Quỹ khen thưởng: 60% - Quỹ phúc lợi: 40%	3.443.098.974 2.065.859.384 1.377.239.590
6	Trả cổ tức năm 2022 (9,6%/VĐL) Trong đó: - 51% vốn Nhà nước - 49% vốn cổ đông	5.760.000.000 2.937.600.000 2.822.400.000

2. Dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức 2023:

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế	13.750.000.000
2	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.213.750.000
3	Lợi nhuận sau thuế	11.536.250.000
4	Quỹ Đầu tư phát triển (20% LNST)	2.307.250.000
5	Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi (30% LNST) Trong đó: - Quỹ khen thưởng: 60% - Quỹ phúc lợi: 40%	3.463.000.000 2.077.800.000 1.385.200.000
6	Trả cổ tức năm 2023 (9,61%/VĐL) Trong đó: - Vốn Nhà nước: 51% - Vốn cổ đông: 49%	5.766.000.000 2.940.660.000 2.825.340.000

3. Kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký năm 2023:

STT	Chức danh	Số tiền (đ/ng/tháng)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	6.000.000	Dự kiến thực hiện như năm 2022
2	Thành viên HĐQT	4.000.000	
3	Trưởng Ban KS	4.000.000	
4	UV Ban Kiểm soát và thư ký	2.000.000	

Trên đây là một số chỉ tiêu cơ bản về tình hình tài chính và phương án phân phối lợi nhuận và phương án chia cổ tức năm 2022, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2023 và chi trả thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2023. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ (để thông qua)
- Lưu VT; HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
NGUYỄN HỒNG SƠN